

DANH MỤC NHU CẦU VTYT, VTTT THẦU 2023 - 2024 (từ 01/7/2023 - 30/6/2024)

(Kèm theo Công văn số /CV-BV ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa Vị Xuyên)

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	I - VẬT TƯ Y TẾ							
	N01.00.000	Nhóm 1. Băng, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương						
	N01.01.000	1.1. Băng						
1	N01.01.010	Băng y tế thấm nước	<p style="text-align: center;">Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên (100% cotton), có độ thấm hút cao. Dùng trong lĩnh vực y tế hoặc gia dụng (chăm sóc vết thương, thấm hút chất dịch, vệ sinh bề mặt da...)</p> <p><input type="checkbox"/> Bông trắng, không mùi, xơ bông mảnh, mềm mại, trắng mịn, dai, không bị toi, không có xơ ngoại lai, không lẫn tạp chất, mảnh lá và vỏ hạt. Bông dạng dải được xếp thành hình trụ, để người sử dụng có thể tạo ra các miếng kích thước tùy ý.</p> <p style="padding-left: 40px;"><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước: Thời gian chìm ≤ 5 giây</p> <p style="padding-left: 40px;"><input type="checkbox"/> Độ ẩm: ≤ 8%; Độ acid và độ kiềm: Trung tính;</p> <p style="padding-left: 40px;"><input type="checkbox"/> Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: 1 kg/ gói; thùng 16 kg; Được đóng kín trong bao PE in đầy đủ thông tin về sản phẩm.</p> <p style="text-align: center;">Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p style="padding-left: 40px;"><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p style="padding-left: 40px;"><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p style="padding-left: 40px;"><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA;</p> <p style="padding-left: 40px;"><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP - FDA</p> <p style="padding-left: 40px;"><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 5	1 kg/gói	An Lành/Việt Nam	Kg	64

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
2	N01.01.010	Bông cắt chưa tiệt trùng	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản phẩm được sản xuất từ bông xơ thiên nhiên 100% cotton dùng trong y tế, có độ thấm hút cao và nhanh. Bông được cắt thành miếng nhỏ kích thước 3cm x 3cm đồng đều về kích thước và trọng lượng.</p> <p><input type="checkbox"/> Bông trắng, không mùi, xơ bông mảnh, mềm mại, trắng mịn không có xơ ngoại lai, không lẫn tạp chất, mảnh lá và vỏ hạt. Không độc tố và không gây dị ứng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước: Thời gian chìm ≤ 5 giây</p> <p><input type="checkbox"/> Độ ẩm: $\leq 8\%$; Độ acid và độ kiềm: Trung tính;</p> <p><input type="checkbox"/> Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: 500g/ gói. Được đóng kín trong bao PE in đầy đủ thông tin về sản phẩm.</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP- FDA</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 5	500 g/gói	An Lành/Việt Nam	gói	50
	N02.00.000	Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương						
	N02.01.000	2.1. Băng						
	N02.01.010	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ						
3	N02.01.010	Băng bó Bột cỡ 10cm x 4,6m	Băng được cuộn, chiều dài 4.6m; chiều rộng 10cm. Băng được làm bằng 97% thạch cao nguyên chất, chất liệu cotton dễ thấm hút nước mềm màu trắng. Làm từ bột liền gạc, vỏ cuộn bột là túi nilon chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh có 2 cạnh phình to giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian nhúng nước 3-6 giây. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Bột đảm bảo độ mịn, độ cứng, không nứt gãy sau khi bó, không gây kích ứng da và cho tia X đi qua dễ dàng.	Nhóm 6	1 cuộn/ túi	Yiwu Jiekang Medical Articles Co., Ltd/ TQ	Cuộn	700
4	N02.01.010	Băng bó Bột cỡ 15cm x 4,6m	Băng được cuộn, chiều dài 4.6m; chiều rộng 15cm. Băng được làm bằng 97% thạch cao nguyên chất, chất liệu cotton dễ thấm hút nước mềm màu trắng. Làm từ bột liền gạc, vỏ cuộn bột là túi nilon chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh có 2 cạnh phình to giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian nhúng nước 3-6 giây. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Bột đảm bảo độ mịn, độ cứng, không nứt gãy sau khi bó, không gây kích ứng da và cho tia X đi qua dễ dàng.	Nhóm 6	1 cuộn/ túi	Yiwu Jiekang Medical Articles Co., Ltd/ TQ	Cuộn	700

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
5	N02.01.010	Băng bột bó thủy tinh cỡ 7.5cmx 3,6m	Chất liệu sợi thủy tinh; kích thước 7,5cm x 3,6m	Nhóm 6	1 cuộn/túi nhôm	Ningbo Pinmed Instruments Co.,Ltd;Trung Quốc	Cuộn	1.000
6	N02.01.010	Bông lót bó bột size 10cmx2.7m	<p>Tính năng sử dụng: Bông lót bó bột được dùng làm lớp đệm trong bó bột, được sử dụng trong bệnh viện phòng khám, cơ sở y tế,...</p> <p>Nguyên liệu: Bông lót bó bột được sản xuất từ sợi bông 100% polyester.</p> <p>Khối lượng: 90g/m2 (±10g/m2), bông lót bó bột mềm mịn, không thấm nước, có màu trắng đồng đều, không bị đổi màu, bị loang, bẩn...</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP- FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 5	5 cuộn/gói	An Lành/Việt Nam	Cuộn	600
	N02.01.020	Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ						
7	N02.01.020	Băng thun y tế 2 móc 7,5 cm x 4,5m	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân....</p> <p><input type="checkbox"/> Độ bền kéo theo chiều dài cuộn: ≥ 400 N</p> <p><input type="checkbox"/> Độ giãn dài tại thời điểm lực lớn nhất: $\geq 400\%$</p> <p><input type="checkbox"/> Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu.</p> <p><input type="checkbox"/> Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng.</p> <p><input type="checkbox"/> Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: 7,5cm, chiều dài kéo giãn tối đa 300cm</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 1 cuộn/gói. Được đóng gói bằng túi PE có thông tin sản phẩm</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP- FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 5	1 cuộn/gói	An Lành/Việt Nam	cuộn	648

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
8	N02.01.020	Băng thun y tế 3 móc 10 cm x 4,5m	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân....</p> <p><input type="checkbox"/> Độ bền kéo theo chiều dài cuộn: ≥ 400 N</p> <p><input type="checkbox"/> Độ giãn dài tại thời điểm lực lớn nhất: $\geq 400\%$</p> <p><input type="checkbox"/> Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu.</p> <p><input type="checkbox"/> Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng.</p> <p><input type="checkbox"/> Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: 10cm, chiều dài kéo giãn tối đa 300cm</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 1 cuộn/gói. Được đóng gói bằng túi PE có thông tin sản phẩm</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP- FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 5	1 cuộn/gói	An Lành/Việt Nam	cuộn	648
	N02.01.040	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
9	N02.01.040	Băng cuộn 10cm x 5 m	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, mềm mại. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Là dạng gạc y tế dùng để băng bó vết thương.</p> <p><input type="checkbox"/> Sản phẩm màu trắng, không ố vàng, không mốc, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước ≤ 5giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc.</p> <p><input type="checkbox"/> Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính.</p> <p><input type="checkbox"/> Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p> <p><input type="checkbox"/> Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: Chiều dài: 5m; Chiều rộng: 10cm</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 10 cuộn/gói. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng giấy.</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP- FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 5	10 cuộn/gói	An Lành/Việt Nam	cuộn	7.000
N02.02.000		2.2. Băng dính						
10	N02.02.020	Băng dính cuộn vải lụa y tế 2.5cmx5m	Nền 100 % sợi cellulose acetate đánh thành cuộn. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Tiêu chuẩn CE. đan dệt 44.0 x 19.5 sợi/cm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đóng gói hộp 12 cuộn	Nhóm 2	hộp 12 cuộn	Urgo Healthcare Products Co., Ltd. Thái Lan	Cuộn	1.000
11	N02.02.020	Băng dính cuộn vải lụa y tế 2.5cmx5m	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide, lực dính 1,8-5,5 N/cm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Nguyên liệu các nước G7. Hộp 12 cuộn	Nhóm 2	Hộp 12 cuộn	Thái lan - Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Cuộn	1.000
12	N02.02.020	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cm x 5m	Nền 100 % sợi cellulose acetate đánh thành cuộn. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Tiêu chuẩn CE. đan dệt 44.0 x 19.5 sợi/cm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đóng gói hộp 1 cuộn	Nhóm 2	Hộp 1 cuộn	Urgo Healthcare Products Co., Ltd. Thái Lan	Cuộn	500
13	N02.02.020	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cm x 5m	5cmx5m. Băng vải lụa taffeta màu trắng, Trọng lượng khối phủ 50 – 60g/m². keo oxyd kẽm không dùng dung môi, số sợi 44x18/cm², lực dính 1.8 – 5.5 N/cm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, ISO 14001:2015;	Nhóm 5	Cuộn/ hộp	Tanaphar/ Việt Nam	Cuộn	1.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
14	N02.02.020	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cm x 5m	<input type="checkbox"/> Tính năng sử dụng: Băng Keo Lụa dùng băng ngoài các vết thương, vết mổ trong phẫu thuật, cố định kim truyền, kim luồn, ống thông tiểu, dụng cụ y khoa... <input type="checkbox"/> Nguyên liệu: Sản phẩm được chế tạo từ các chất liệu bằng vải lụa, chất dính là hạt keo nóng chảy. <input type="checkbox"/> Các chỉ tiêu ngoại quan: Trạng thái: mềm mịn Màu sắc: Sản phẩm đồng nhất về màu sắc <input type="checkbox"/> ISO 9001:2015; <input type="checkbox"/> ISO 13485:2016; <input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP- FDA; <input type="checkbox"/> Chứng nhận CE	Nhóm 5	1 cuộn/gói	An Lành/Việt Nam	Cuộn	1.000
15	N02.03.030	Băng dính vô trùng cố định kim luồn	Băng dính cố định kim luồn được làm từ vải không dệt, co giãn tốt; rãnh xẻ chữ V giúp cố định chắc chắn kim luồn và các thiết bị y tế, đồng thời bảo vệ vùng tổn thương tại vị trí đặt kim luồn. - Kích thước 60x70 mm/60x80mm - Gạc thấm hút tốt với lớp phủ Polyethylene không gây dính vào vết thương khi tháo băng. - Keo dán Acrylic không gây kích ứng da. (có test kiểm định) - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA. - Hạn sử dụng: 3 năm kể từ ngày sản xuất.	Nhóm 5		USM Healthcare - Việt Nam	Miếng	1.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
16	N02.03.030	Băng dính vô trùng cố định kim lườn	<p>Bao bì plastic đảm bảo vô khuẩn riêng từng miếng băng.</p> <p>* Lớp film Polyurethane trong suốt:</p> <p>+ Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập.</p> <p>+ Giúp quan sát và theo dõi liên tục vùng tiêm và vùng cố định</p> <p>+ Thông thoáng, cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm, giúp da không bị hầm bí trong suốt thời gian dán băng.</p> <p>+ Mềm dẻo, co giãn theo chuyển động của da</p> <p>* Nền keo Acrylate, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da, không sót keo khi tháo băng ra.</p> <p>* Khung viền giấy giúp dễ cầm khi dán băng giúp băng không bị dính vào nhau khi thao tác.</p> <p>* Nhãn ghi chú ngày giờ dán băng</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS,...(hoặc tương đương) Quy cách: 100 miếng/ hộp</p>	1	100 miếng/ hộp	3M Company	Miếng	1.000
17	N02.03.030	Băng dính vô trùng cố định kim lườn	<p>- Cấu tạo: Lớp màng polyurethane xẻ rãnh (trừ mã HETIS IV Dressing 6070), phủ keo acrylic, có gạc cotton (phủ lớp PE chống dính).</p> <p>- Màng PU bán thấm, bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật.</p> <p>- Co giãn tốt, thoáng khí, tốc độ thoát hơi MVTR (moisture vapour transmission rate) >600 g/m².24h</p> <p>- Có tích hợp miếng dán ghi ngày/tháng/năm.</p> <p>- Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong từng túi riêng.</p>	Nhóm 5	50 miếng/hộp	LAVICHEM/Việt Nam	Miếng	1.000
	N02.03.000	2.3 Gạc, băng gạc điều trị các vết thương						
	N02.03.010	Gạc alginate các loại, các cỡ						
	N02.03.020	Gạc các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
18	N02.03.030	Gạc hút y tế khổ 1.2m	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, có độ thấm hút rất cao. Sợi săn chắc, đồng đều, trắng, mịn, mềm mại, dạng màng mỏng, thoáng khí.</p> <p><input type="checkbox"/> Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc.</p> <p><input type="checkbox"/> Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Độ pH: trung tính.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p> <p><input type="checkbox"/> Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Độ ẩm không vượt quá 8%</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: Khổ 1,2m.</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 100 mét/ gói, 1.000 mét/ kiện; Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bao gai bên ngoài.</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP - FDA</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 3	500 m/bao	An Lành/Việt Nam	mét	5.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
19	N02.03.030	Gạc cầu sản khoa Fi 45 vô trùng	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản xuất từ gạc và bông hút nước 100% cotton có độ thấm hút cao. Hình cầu, Bông hút được bọc kín bởi một lớp gạc y tế tạo thành cầu bông, đường kính 45mm được khóa giữ bằng một dây</p> <p><input type="checkbox"/> Không có hóa chất tạo trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 100gr nước/5gr bông.</p> <p><input type="checkbox"/> Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Độ pH: trung tính.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ ẩm không quá 8%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: Fi 40 x 1 lớp, vô trùng.</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 50 cái/ gói. Được đóng gói bằng một lớp bằng PE.</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP- FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 3	50 cái/gói	An Lành/Việt Nam	Cái	50.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
20	N02.03.030	Gạc củ ấu sản khoa	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản xuất từ gạc hút nước 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ 23-16 sợi/inch. Tri số sợi CD 32/1. Trọng lượng 25-27 g/m2. Sợi săn chắc, đồng đều, trắng, mịn, mềm mại. Dùng trong y tế, dùng đắp vết thương, vết mổ cầm máu.</p> <p><input type="checkbox"/> Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước ≤5 giây. Độ ngậm nước ≥5gr nước/1gr gạc.</p> <p><input type="checkbox"/> Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ trắng: ≥80% ±10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ ẩm không quá 8%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: 6cm x 6cm x 6 lớp, vô trùng.</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 10 miếng/ gói. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế.</p> <p><input type="checkbox"/> Tiệt trùng bằng khí EO.Gas</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt GMP;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 3	10 cái/gói	An Lành/Việt Nam	Cái	30.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
21	N02.03.030	Bông gạc đắp vết thương 10cmx20cm	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài định lượng 40 g/m2, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. <input type="checkbox"/> Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. <input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước =< 5 giây. <input type="checkbox"/> Chất tan trong nước ≤0.5%. Độ pH: trung tính. <input type="checkbox"/> Độ ẩm: 5 - 6.5%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. <input type="checkbox"/> Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam. <input type="checkbox"/> Kích thước: 10cm x 20cm, vô trùng. <input type="checkbox"/> Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói túi PE hàn kín <input type="checkbox"/> Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> ISO 9001:2015; <input type="checkbox"/> ISO 13485:2016; <input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA; <input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt GMP; <input type="checkbox"/> Chứng nhận CE. 	Nhóm 5	1 cái/gói	An Lành/Việt Nam	Cái	4.800

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
22	N02.03.030	Bông gạc đắp vết thương 6cmx15cm	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa.</p> <p><input type="checkbox"/> Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước =< 5 giây.</p> <p><input type="checkbox"/> Chất tan trong nước ≤0.5%. Độ pH: trung tính.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ ẩm: 5 - 6.5%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p> <p><input type="checkbox"/> Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: 6cm x 15cm, 6cm x 22cm, vô trùng.</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói túi PE có in thông in sản phẩm</p> <p><input type="checkbox"/> Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP - FDA</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 5	1 cái/gói	An Lành/Việt Nam	Cái	11.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
23	N02.03.030	Bông gạc đắp vết thương 6cmx22cm	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa.</p> <p><input type="checkbox"/> Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước =< 5 giây.</p> <p><input type="checkbox"/> Chất tan trong nước ≤0.5%. Độ pH: trung tính.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ ẩm: 5 - 6.5%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p> <p><input type="checkbox"/> Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: 6cm x 15cm, 6cm x 22cm, vô trùng.</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói túi PE có in thông in sản phẩm</p> <p><input type="checkbox"/> Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP - FDA</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 5	1 cái/gói	An Lành/Việt Nam	Cái	4.800

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
24	N02.03.030	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản xuất từ gạc hút nước 100% cotton có độ thấm hút cao. Sợi săn chắc, đồng đều, trắng, mịn, mềm mại. Dùng trong y tế, dùng đắp vết thương, vết mổ cầm máu.</p> <p><input type="checkbox"/> Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước ≤5 giây. Độ ngậm nước ≥5gr nước/1gr gạc.</p> <p><input type="checkbox"/> Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ trắng: ≥80% ±10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ ẩm không quá 8%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%.</p> <p><input type="checkbox"/> Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: 10cm x 10cm x 12 lớp, vô trùng.</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 10 miếng/ gói. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế.</p> <p><input type="checkbox"/> Tiệt trùng bằng khí EO.Gas</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP- FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 3	10 cái/gói	An Lành/Việt Nam	Cái	100.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
25	N02.03.030	Gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp vô trùng	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất.</p> <p><input type="checkbox"/> Không mùi, không có bụi bẩn, sơ sợi lạ, không dính tạp chất. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước < 5 giây. Độ ngậm nước \geq 5gr nước/1gr gạc.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ ẩm: 5-6.5%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%</p> <p><input type="checkbox"/> Độ pH: trung tính. Độ trắng: \geq80% +/- 10%.</p> <p><input type="checkbox"/> Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng,</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 5 miếng/gói; Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế.</p> <p><input type="checkbox"/> Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt GMP;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 3	5 cái/gói	An Lành/Việt Nam	Cái	4.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
26	N02.03.030	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p><input type="checkbox"/> Sản xuất từ gạc hút nước 100% cotton có độ thấm hút cao, Sợi săn chắc, đồng đều, trắng, mịn, mềm mại. Dùng trong y tế, dùng đắp vết thương, vết mổ cầm máu.</p> <p><input type="checkbox"/> Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc.</p> <p><input type="checkbox"/> Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Độ pH: trung tính.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ ẩm không quá 8%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%.</p> <p><input type="checkbox"/> Kích thước: 30cm x 40cm x 8 lớp, vô trùng.</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 5 miếng/ gói. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế.</p> <p><input type="checkbox"/> Tiệt trùng bằng khí EO.Gas</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt cGMP- FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 3	5 cái/gói	An Lành/Việt Nam	Cái	1.200

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
27	N02.03.030	Gạc phòng	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p>Thành phần gồm 2 khoản: Gạc hút nước 40cm x 100cm: 5 cái Bông gạc đắp vết thương 10cm x 10cm: 5 cái</p> <p><input type="checkbox"/> Gạc hút nước 40cm x 100cm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Sợi săn chắc, đồng đều, trắng, mịn, mềm mại.</p> <p><input type="checkbox"/> Bông gạc đắp vết thương 10cm x 10cm sử dụng gạc không dệt dạng trơn. mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất.</p> <p><input type="checkbox"/> Sản phẩm không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</p> <p><input type="checkbox"/> Tốc độ hút nước ≤5 giây. Độ pH: trung tính.</p> <p><input type="checkbox"/> Độ trắng: ≥80% ±10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p> <p><input type="checkbox"/> Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam.</p> <p><input type="checkbox"/> Quy cách: 2 khoản /gói; Được đóng gói bằng túi PE có in thông tin sản phẩm.</p> <p><input type="checkbox"/> Tiệt trùng bằng khí EO.Gas</p> <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm:</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 9001:2015;</p> <p><input type="checkbox"/> ISO 13485:2016;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký FDA;</p> <p><input type="checkbox"/> Thực hành sản xuất tốt GMP;</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận CE.</p>	Nhóm 3	150 bộ/thùng	An Lành/Việt Nam	Cái	150
	N02.03.100	Miếng dán sát khuẩn các loại, các cỡ						
28	N02.03.100	Tấm dán phẫu thuật	Làm từ vật liệu polyurethane, cỡ 28cm x 30cm	Nhóm 2	1 cái/ gói	Smith & Nephew Medical (Suzhou) Limited, Trung	Cái	20
	N02.04.040	Miếng cầm máu mũi các loại, các cỡ						
29	N02.04.040	Miếng cầm máu mũi các loại, các cỡ	Kích thước Chiều dài: 8cm; Độ dày: 1,5cm; Chiều cao: 2cm. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nhóm 6	Hộp 10 miếng	Genco/ Thổ Nhĩ Kỳ	Miếng	100
	N03.00.000	Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người						
	N03.01.000	3.1 Bơm tiêm						
	N03.01.010	Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
30	N03.01.010	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp 25 cái x 16h/ kiện	Nhóm 5	Hộp 25 cái	Việt Nam - MPV	Cái	400
31	N03.01.010	Bơm cho ăn 50ml	Thành phần cấu tạo: - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng, đốc nhỏ lắp vừa kim, đốc to lắp vừa dây cho ăn. - Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khóa bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. - Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Nhóm 1	Hộp 25 cái	Tanaphar/ Việt Nam	Cái	300
	N03.01.040	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ						
32	N03.01.040	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đầu xoắn. Tiệt trùng bằng khí EO.	Nhóm 5	Hộp 25 cái	Tanaphar/ Việt Nam	Cái	400
33	N03.01.040	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Nhóm 3	Hộp 25 cái	MPV - Việt Nam	Cái	300
	N03.01.060	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ						
34	N03.01.060	Bơm tiêm Insulin 1 ml	- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 27G-31G. - Bơm tiêm có vạch chia cho 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Nhóm 6	Hộp 100 cái	MPV - Việt Nam	Cái	25.000
35	N03.01.060	Bơm tiêm Insulin 1 ml (40UI)	Bơm kim tiêm dùng 1 lần, thể tích 40UI/1ml, có kim 30Gx1/2" (0.3x12mm). đầu kim vát 3 mặt phủ Silicon. Có nút chặn pít tông. Thể tích chết: 0.5 microL. Vạch chia 1.0 I.U. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Hộp 100 cái	2	Hộp 100 cái	Almo-Erzeugnisse Erwin Busch GmbH/Đức	Cái	5.000
	N03.01.070	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
36	N03.01.070	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26Gx1/2"; gioăng có núm bơm đạt khoảng chết $\leq 0,03$ ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Nhóm 3	Hộp 100Cái x 42h/ kiện	MPV - Việt Nam	Cái	2.000
37	N03.01.070	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khía bề gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Nhóm 3	Hộp 100 cái x 20h/ kiện	MPV - Việt Nam	Cái	40.000
38	N03.01.070	Bơm tiêm 5ml	<p>Thành phần cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng. - Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khía bề gãy để hủy chống sử dụng lại. - Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. <p>Cỡ kim 25G x 1½", 25G x 5/8", 23G x 1½", 23G x 5/8" và các cỡ khác theo yêu cầu.</p> <p>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</p>	1	Túi 01 chiếc; 100 chiếc/ hộp; 20 hộp/ kiện.	Tanaphar/ Việt Nam	Cái	40.000
39	N03.01.070	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khía bề gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Nhóm 3	Hộp 100 cái x 12h/ kiện	MPV - Việt Nam	Cái	32.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
40	N03.01.070	Bơm tiêm 10ml	<p>Thành phần cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng. - Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khía bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. - Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. <p>Cỡ kim 25G x 1½", 25G x 5/8", 23G x 1½", 23G x 5/8" và các cỡ khác theo yêu cầu.</p> <p>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</p>	1	Túi 01 chiếc; 100 chiếc/ hộp	Tanaphar/ Việt Nam	Cái	30.000
41	N03.01.070	Bơm tiêm 20ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng .</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	Nhóm 3	Hộp 50 cái x 16h/ kiện	MPV - Việt Nam	Cái	20.000
42	N03.01.070	Bơm tiêm 20ml	<p>Thành phần cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng. - Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khía bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. - Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. <p>Cỡ kim 23G x 1½" và các cỡ khác theo yêu cầu.</p> <p>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</p>	1	Túi 01 chiếc; 50 chiếc/ hộp	Tanaphar/ Việt Nam	Cái	10.000
	N03.02.020	Kim cánh bướm các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
43	N03.02.020	Kim cánh bướm 23G, 25G	Kim 23G(0,6x19mm), 25G(0,5x19mm). Phủ silicon. Dây nối 30cm không vặn xoắn. Không độc, không gây sốt, tiết trùng EO. Dòng chảy ≥ 1000 ml trong 10 phút (Dịch NaCl 0,9% tại áp suất tĩnh 1 mét). Không dò rỉ nước với 27,5N áp lực trực dọc bên trong ống dây 5s và lực xoắn ít hơn 0,1N.m, góc 90 dưới áp suất thủy lực 300Kpa. Không dò khí với áp suất khí 50Kpa trong ống dây 15s. Không bị bong tách mối nối ở Áp suất tĩnh 15N. Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485:2016,	3	Cái/ gói	Van Oostveen Medical B.V Hà Lan	Cái	5.000
44	N03.02.020	Kim cánh bướm 23G, 25G	Kim cánh bướm các số, gồm các chi tiết: kim truyền, dây dẫn, đầu nối dây dẫn, nắp đậy đầu nối, nắp chụp kim, cánh bướm. Dây dẫn dài 30cm, được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gây gập gãy khi bảo quản và sử dụng. Kim được sản xuất từ thép không gỉ, sắc nhọn vát 3 cạnh. 1 cái/ túi	Nhóm 5	Hộp 100 cái	Việt Nam - MPV	Cái	3.000
45	N03.02.020	Kim cánh bướm 23G, 25G	Kim cánh bướm, cỡ kim 23G; 25G. Dây dài khoảng 30cm được làm từ chất liệu PVC nguyên sinh. Tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Nhóm 4	50 cái/ hộp	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.Malaysia	Cái	4.000
	N03.02.030	Kim chích máu các loại, các cỡ						
46	N03.02.030	Kim trích máu	Đầu kim thép không rỉ vát ba đầu sắc nhọn, kim được thiết kế đặc biệt, chỉ dùng được một lần, không cần bút chích máu, giúp lấy máu không đau. Size: 28G. Tiết trùng bằng tia Gamma.	6	100chiếc /túi, 5000c/thùng	Henso Medical, Trung Quốc	Cái	500
	N03.02.060	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ						
47	N03.02.060	Kim lấy máu, lấy thuốc các số	Kim các số, Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Nhóm 5	Hộp 100 cái x 100h/ kiện	MPV - Việt Nam	Cái	50.000
48	N03.02.060	Kim lấy máu, lấy thuốc các số	- Kim các cỡ: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP (có phiếu phân tích chất lượng). Đạt chứng nhận EN ISO 13485: 2016;	Nhóm 5	Hộp 100 cái	Tanaphar/ Việt Nam	Cái	50.000
	N03.02.070	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
49	N03.02.070	Kim luân tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh	Kim luân tĩnh mạch Deltamed, chất liệu FEP, có 3 vạch cản quang ở thân catheter, có cánh nhỏ không cửa bơm thuốc, có khả năng lưu kim được đến 96h. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Thân catheter không có kim loại sử dụng được trong phòng MRI. Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc nhựa. Đạt tiêu chuẩn UNI EN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015). Có bầu tắm lọc xốp ở chuôi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần Các cỡ với các màu khác nhau: 26G x 3/4" (ID: 0,64 x 19mm, 19ml/min): màu tím; 24G x 3/4" (I.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng;	Nhóm 1	Cái/ gói	Deltamed S.p.A/Ý	Cái	5.000
50	N03.02.070	Kim luân tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Kim có đầu bảo vệ an toàn bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn vát chéo tự động bịt đầu kim. - Ống catheter có 4 vạch cản quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim thiết kế dạng cánh nhỏ không cổng bơm thuốc bổ xung. - Khoang bảo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven, màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. - 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min. - 26G; Ø (0,6 x 19) mm; Flow/ Rate 10ml/ min. <p>Đóng gói 50 cái/ hộp</p>	Nhóm 2	100 cái/Hộp	Harsoria Healthcare Pvt. Ltd/ Ấn Độ sản xuất cho MEDSOURCE INTERNATIONAL LLC/ Mỹ	Cái	5.000
51	N03.02.070	Kim luân tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh	Tương đương Kim luân tĩnh mạch an toàn G24 'Có đầu bảo vệ bằng kim loại Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. Kim luân có cánh, không cửa	Nhóm 2	50 cái/ hộp	Bbraun, Malaysia	Cái	5.000
52	N03.02.070	Kim luân mạch máu các loại, các cỡ	Kim chất liệu ETFE trong suốt nhìn được dòng máu trong lòng kim, nòng nhựa trong, không bị gãy gập, có độ vát sắc, gọn, thuận lợi cho việc chọc tĩnh mạch cũng như chọc động mạch, chuôi kim dài dễ dàng và thuận lợi khi thao tác. Kim sắc số 16G x 1.77", 18G x 1.16", 18G x 1.88", 20G x 1.16", 22G x 1", 24G x 3/4". Tiêu chuẩn chất lượng ISO, tiêu chuẩn Châu Âu CE. Hạn sử dụng 3 năm. Hộp 50 cái.	6	Hộp 50 cái	Medifirst Hàn Quốc	Cái	5.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
53	N03.02.070	Kim luân mạch máu các loại,các cỡ	Kim luân tĩnh mạch có cánh có công tiêm thuốc. Kim phủ silicon, mũi kim backcut tạo độ bén tối đa giảm tổn thương da. Catheter làm bằng vật liệu PTFE (Teflon) / FEP/ PUR mềm dẻo tương thích sinh học cao, có 3 dải cản quang bao bọc cho phép theo dõi dưới X-quang, thời gian lưu 72h. Khoang chứa máu làm bằng Polypropylene/Polycarbonate trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng thấy máu chảy ra. Cánh làm bằng polypropylene y tế, không độc hại, có thể gấp lại giúp dễ chèn và cố định. Trên cánh có cổng bơm thuốc một chiều. Đường kính (mm) x chiều dài (mm)- tốc độ dòng (ml/phút) tương ứng các cỡ: 2.1 x 45-270 (14G); 1.7x 45-180 (16G); 1.3 x 45-80 (18G); 1.1 x 32-54 (20G); 0.9 x 25-33 (22G); 0.72 x 19- 19 (24G); 0.6 x 19-15 (26G). Đóng gói tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. 100 cái/hộp x 10 hộp/kiện	Nhóm 2	100 cái/hộp x 10 hộp/kiện	Ấn Độ - Polybond	Cái	5.000
54	N03.02.070	Kim luân mạch máu các loại,các cỡ	Cổ đầu bảo vệ bằng kim loại. Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa. Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Nhóm 2	50 cái/ hộp	Bbraun, Malaysia	Cái	5.000
55	N03.02.070	Kim luân mạch máu các loại,các cỡ	"- Chất liệu Catheter: FEP - Có cánh, có cổng bơm thuốc - Size/ Ext. Dia. x Length mm: G24/ 0,7 x 19, tốc độ dòng chảy: 23 ml/phút G18/ 1,3 x 45, tốc độ dòng chảy: 90 ml/phút G20/ 1,1 x 32, tốc độ dòng chảy: 56ml/phút G22/ 0,9 x 25, tốc độ dòng chảy: 36 ml/phút	Nhóm 3	Hộp 50 Cái	Đức/Troge Medical GmbH	Cái	5.000
56	N03.02.070	Kim luân dùng trong y tế các số	Chất liệu Catheter PFTE, có cánh, có cổng bơm thuốc. - Cỡ 18G: đường kính ngoài 1,3mm; đường kính trong 0,95mm, có cổng tiêm màu xanh lá cây. Chiều dài kim 45mm. Tốc độ 95ml/ phút. - Cỡ 20G: đường kính ngoài 1,1mm; đường kính trong 0,75mm, có cổng tiêm, màu hồng. Chiều dài kim 32mm. Tốc độ 61ml/ phút. . - Cỡ 22G: đường kính ngoài 0,9mm; đường kính trong 0,6mm, có cổng tiêm, màu xanh da trời. Chiều dài kim 25mm. Tốc độ 36ml/ phút. - Cỡ 24G: đường kính ngoài 0,72mm; đường kính trong 0,48mm, có cổng tiêm, màu vàng. Chiều dài kim 19mm. Tốc độ 20ml/ phút.	6	100 Cái/ hộp	Wellmed/ Ấn Độ	Cái	5.000
	N03.02.080	Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ						

[illegible]

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
61	N03.05.010	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các Số	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có kim hai cánh bướm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Nhóm 3	Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Việt Nam - MPV	Bộ	20.000
62	N03.05.010	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các Số	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có cổng tiếp thuốc chữ Y. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	1	Túi 01 bộ; 25 bộ/ túi to; 500 bộ/ kiện.	Tanaphar/ Việt Nam	Bộ	30.000
63	N03.05.010	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các Số	Ống dây làm từ nhựa PVC y tế kéo thành ống dây dẻo không bị gập thắt, đồng đều, một đầu nối với ống cao su ngắn và có đầu đốc cắm vào kim truyền, có khóa chỉnh lưu lượng lỏng vào ống dây phía dưới gắn vào bầu nhỏ giọt liên kim xuyên cắm chai. Phần đáy bầu có màng lọc dịch, phần kim xuyên cắm chai có phần dẫn khí và màng lọc khí. Tất cả đầu kim có ống nắp bọc , toàn bộ đựng trong túi blister có in HDSD và HD, được tiệt trùng bằng khí E.O. Đường kính màng lọc dịch 1,42cm, kích thước lỗ lọc khoảng 15 μm Ống dây dài 165cm, kim truyền 2 cánh bướm số 23Gx1'', thể tích bầu nhỏ giọt 6,5ml, kết nối cao su hình trụ	5	1 bộ/túi	An Phú/Việt Nam	Cái	20.000
	N03.05.030	Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ						
64	N03.05.030	Bộ dây truyền máu	Dây dài $\geq 1500\text{mm}$ hoặc điều chỉnh theo yêu cầu, làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200 μm , tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Nhóm 5	Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Việt Nam - MPV	Bộ	100
	N03.05.040	Dây nối đi kèm dây truyền các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
65	N03.05.040	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, không độc tố. Độ dài của dây nối các cỡ. Tiết trùng bằng EO, không gây sốt.	Nhóm 5	Hộp 100 dây x 10h/kiện	MPV - Việt Nam	Cái	1.000
	N03.05.060	Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch,						
66	N04.03.060	Khóa ba ngã không dây	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa trong y tế. Không gây độc, gây sốt. Không gây tương tác khi truyền các loại nhũ tương, dịch Lipid và các loại thuốc khác. - Khóa luer dễ dàng kết nối với các loại kim, dây truyền, bộ vi chỉnh... - Tiết trùng bằng khí EO 1 cái/ túi	Nhóm 6	1 cái/ túi	Trung Quốc - Hitec Medical	Cái	500
	N03.06.000	3.6 Găng tay						
	N03.06.010	Găng cao su các loại, các cỡ						
	N03.06.020	Găng tay chăm sóc, điều trị người bệnh các loại, các cỡ						
	N03.06.030	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ						
67	N03.06.030	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	<p>Găng tay có bột làm từ cao su tự nhiên, màu trắng tự nhiên có nhám đầu ngón tay, cổ tay gấp. Chiều rộng cỡ XS: 70±10mm; cỡ S: 80±10mm; cỡ M: 95±10mm, cỡ L: 111±10mm. Chiều dài trung bình 240mm. Độ dày ngón tay tối thiểu 0.08mm. Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.08mm.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>50 đôi/ hộp</p>	Nhóm 4	50 đôi/ hộp	Thái Lan - Sri Trang	Đôi	80.000
68	N03.06.030	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	<p>Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm. Độ dày trung bình 1 lớp áp dụng cho các cỡ tối thiểu: 0.08mm, vùng ngón tay trung bình 0.9mm, Lòng bàn tay: 0.08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥7,0 N; Sau già hóa: ≥6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng) ≤ 10mg/dm². TCVN 6343 -1 ISO 11193-1, ASTM D3578-05, EN 455. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; ISO 13485:2016. CE, FDA.</p>	Nhóm 5	100 chiếc/ hộp, 10 hộp/ thùng carton (500 đôi)	Việt Nam/Công ty cổ phần Merufa	Đôi	80.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
69	N03.06.030	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	<p>Găng tay cao su y tế HBGLOVE (Các size: XS, S, M, L...), Chất liệu được sản xuất từ cao su tự nhiên, bên trong có phủ bột chống dính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: Dẻo, co giãn đàn hồi tốt, khó rách; Dễ đeo, dễ sử dụng, cầm nắm thật tay; Không giãn nở khi gặp nước, dầu, hóa chất; Không gây dị ứng; Cổ tay se viền; - Găng tay y tế có bột, dùng thuận cho cả 2 tay, sử dụng 1 lần. - Tiêu chuẩn: ISO: 9001: 2015, ISO: 13485: 2016, ISO: 22000: 2018 - Kích thước găng: Cỡ nhỏ(S), Trung bình (M), lớn (L), siêu lớn (XL). - Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, nhiệt độ không cao hơn 30 độ C, tránh ánh nắng trực tiếp. Hộp đã mở nên được che chắn để tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời hoặc ánh đèn huỳnh quang. Găng tay chất lượng tốt cung cấp một hàng rào sinh học tuyệt vời (không nhằm mục đích sử dụng như một rào cản hóa học) 	6	50 đôi/hộp, 500 đôi/thùng g	Sri Trang Gloves (Thailand) Public Co., Ltd;Thái Lan	Đôi	70.000
70	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	<p>Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 6.5-7.0-7.5- 8.0. Bề dày trung bình min 0.18mm, chiều dài min 280mm, chiều rộng lòng bàn tay size 6.5: 83±5mm, 7: 89±5mm, 7.5: 95±5mm; cường lực khi đứt trước lão hoá min 12.5N, sau lão hoá min 9.5N. Độ giãn đứt trước lão hoá min 700%, sau lão hoá min 550%. lượng bột max 80mg ±20mg/đôi. Lượng protein max 200g/dm2. TCVN 6344 (ISO 10282:2014), ASTM D3577, EN 455, ISO 9001:2015; ISO 13485:2016. CE, FDA.</p>	Nhóm 5	1 đôi/túi giấy, 50 túi giấy/hộp, 6 hộp/thùng g carton (300 đôi)	Việt Nam/Công ty cổ phần Merufa	Đôi	15.000
71	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	<p>Chiều dài: Số 6,5: 280mm ± 5, số 7;7,5 và 8: 282 ± 7</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều rộng: số 6.5 (83mm ± 5), 7.0 (89mm ± 5), 7.5 (95mm ± 5), 8.0 (102mm ± 6) - Cường lực kéo đứt tối thiểu: Trước lão hoá ≥ 13N, sau lão hoá ≥ 11N. - Khả năng giãn tối thiểu trước khi đứt: Trước lão hoá ≥ 750%, sau lão hoá ≥ 650% - Hàm lượng protein chiết suất ≤ 200µg/ găng tay - Có phủ bột ngô biến tính chống dính - Chế tạo từ latex cao su tự nhiên, có màu trắng kem của cao su tự nhiên. - Tiêu chuẩn: TCVN 6344:2007; ISO 10282:2014 - Tiệt trùng bằng khí E.O. quá trình theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 11135:2014 	Nhóm 5	01 Đôi/ túi, 300 đôi/ thùng	Việt nam	Đôi	15.000
	N03.07.030	Túi, bao gói tiệt trùng các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
72	N03.07.030	Túi máu đơn 250ml	'Dung tích túi chứa 250ml máu toàn phần. Tiêu chuẩn: ISO	6	5 túi/ Túi thiếc	Ningbo Greetmed, Trung Quốc	Túi	100
73	N03.07.030	Túi, bao gói tiệt trùng các loại, các cỡ (40cm*200m)	Có >= 3 đường hàn nhiệt chắc chắn, đảm bảo chất lượng bao bì trong quá trình sử dụng. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy có mật độ giấy >= 70 g/m2, màng film hai lớp: PET dày 12 µm và CPP dày 40 µm. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị EO (hóa học): Chuyển từ màu đỏ hồng sang màu vàng. Chỉ thị hấp hơi nước: Chuyển từ xanh dương sang xanh đậm. <u>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485.</u> Số lô, ngày sản xuất và tiêu chuẩn ISO 11607 in rõ dọc theo các mối hàn ngăn ngừa mực in xâm nhập vào trong bao gói. Lực vết dán đo theo ASTM F88 >4.5 N/15mm Thùng 2 cuộn	Nhóm 5	Thùng 2 cuộn	Việt Nam - Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	Cuộn	10
	N03.07.060	Túi, lọ, cát-sét (cassette)	đựng hoặc đo lượng chất thải tiết, dịch xả các loại, các cỡ					
74	N03.07.060	Túi đựng nước tiểu	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T, không có quai treo; Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) 250 cái/ kiện	Nhóm 5	250 cái/ kiện	Việt Nam - MPV	Bộ	1.000
	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ						
75	N03.07.070	Ống nghiệm chống đông EDTA-K3	- Ống nghiệm EDTA K3 kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Khay 100 ống x 24 Khay / Kiện	Nhóm 5	Khay 100 ống	Việt Nam - MPV	Cái	20.000
76	N03.07.070	Ống nghiệm chống đông Tri-Na Citrate 9NC/3,8% 2ml	- Ống nghiệm Sodium Citrate 3,8% kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Khay 100 ống x 24 Khay / Kiện	Nhóm 5	Khay 100 ống	Việt Nam - MPV	Ống	3.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
77	N03.07.070	Ống nghiệm chống đông Heparin	<ul style="list-style-type: none"> - Ống có hình dạng lăng trụ đáy tròn, có nắp đáy bằng nhựa - Nắp nhựa LDPE đáy kín thành ống và giữ chặt bởi khe tròn giữa ba vòng răng thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. - Kích thước ống: dài 75mm, đường kính ngoài ống 13mm, đường kính trong ống 12mm - Chất liệu: ống làm bằng nhựa PP (polypropylene). Nắp làm bằng nhựa LDPE (low density polyethylene) - Nắp nhựa màu đen, nhãn màu đen. Ống được phun hóa chất chống đông Lithium Heparin tỉ lệ 1% (chống đông 2ml máu) dưới dạng sương bám đều trên thành trong của ống nghiệm ở một nồng độ tiêu chuẩn đủ để chống đông cho máu trong khoảng từ 24-36 giờ ở điều kiện nhiệt độ 2-8 độ, chịu được lực quay ly tâm 3000-6000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút, thể tích ống: 5ml. 	Nhóm 5	100 chiếc x 12 hộp/thùng	Việt Nam	Cái	30.000
	N03.07.080	Túi hậu môn nhân tạo						
78	N03.07.080	Túi hậu môn nhân tạo	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, túi xả, màu da, phân để làm từ hydrocolloid, túi mềm mại, để có kích thước cắt tối đa 70mm, không chứa latex/PVC, không chứa phtalate/(DEHP). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. Hộp 30 túi	3		B. Braun Medical SAS/Pháp	Túi	100
	N04.01.010	Ca-nuyn (cannula) các loại, các cỡ						
79	N04.01.010	Canuyn mayo (nhựa)	Chất liệu bằng nhựa cứng trong, không gây dị ứng, hình dạng ống cong 30 độ, có chế độ hãm miệng.	6	1 cái/gói	Hitec Medical Co., Ltd - Trung Quốc	Cái	50
	N04.01.020	Ống ca-nuyn (cannula) mở khí quản các loại, các cỡ						
80	N04.01.020	Canuyn mở khí quản bạc	Chất liệu nhựa y tế, đã tiệt trùng, không gây dị ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	6	1 cái/gói	Hitec Medical Co., Ltd - Trung Quốc	Cái	5
	N04.01.030	Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)						
81	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản có bóng số từ 2/0 đến 9/0	Đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Bóng cân đối 2 bên. Có các cỡ: từ 2.5 – 10.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nhóm 6		Trung Quốc - Hitec Medical	Cái	500
	N04.02.020	Ống (sonde) rửa dạ dày các loại, các cỡ						
82	N04.02.020	Sonde dạ dày	Các cỡ 5, 6,8,10,12,14,16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Nhóm 5	Túi 25 sợi x 20 túi / kiện	Việt Nam - MPV	Cái	500

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
	N04.02.030	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ						
83	N04.02.030	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong & ngoài ống khoảng 5mm hoặc 7mm, chiều dài từ 396mm trở lên. Được tiệt trùng bằng EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	5	1 cái/túi	Forte Grow Medical/ Việt Nam	Cái	200
	N04.02.060	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ						
84	N04.02.060	Sonde hút nhớt các số có van	Các số 5, 6,8,10,12,14,16. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500mm. Gồm 2 loại có nắp hoặc không có nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Túi 20 sợi x 25 túi / kiện	Nhóm 1	1 cái/túi	Việt Nam - MPV	Cái	1.400
85	N04.02.060	Dây hút dịch phẫu thuật	Các cỡ, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Nhóm 5	1 cái/túi	Việt Nam - MPV	Cái	100
	N04.03.030	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ						
86	N04.03.030	Dây thở oxy 2 nhánh	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn . Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Túi 25 bộ x 20 túi / kiện	Nhóm 5		Việt Nam - MPV	Sợi	500
	N04.04.000	4.4 Catheter						
	N04.04.010	Ống thông (catheter) các loại, các cỡ						
87	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng 7F, kim thẳng G16/G18/G18, dài 20cm	<ul style="list-style-type: none"> Catheter tĩnh mạch trung tâm có Polyhexanide kháng khuẩn, diệt khuẩn bằng sự tiếp xúc bề mặt catheter, không giải phóng chất phủ khỏi catheter. đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G16, G18, G18. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. Hộp 10 bộ 	1	Hộp 10 bộ	B.Braun Melsungen AG - Đức	Bộ	10
88	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng 7F, kim thẳng G16/G18/G18, dài 20cm	"Các ống thông được làm từ polyurethane mềm, với cánh tích hợp, Dây dẫn cuối chữ J : 0.018– 0.038” X 50 cm, Dây dẫn cuối thẳng: 0.018” X 50 cm, Bộ nối nước: 4 Fr - 9 Fr, Kim đầu vào: 18G tới 21 G dài : 40MM đến 80MM, Ống tiêm : Đánh dấu 5ML., kích cỡ : 4fr/5Fr/8Fr/7Fr/8.5Fr, , với chiều dài từ 5cm đến 30cm Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485	Nhóm 6		Lamed Healthcare Privated Limited - Ấn Độ	Bộ	10
	N05.02.000	5.2 Chỉ khâu						
	N05.02.010	Chỉ cố định thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ						
	N05.02.020	Chỉ khâu đặc biệt các loại, các cỡ						
	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
89	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 2/0 dài 45 cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 2/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim bằng thép 300, kim phủ silicone. Hộp 36 sợi	Nhóm 1	12-24-36 sợi/ Hộp	B.Braun/ Tây Ban Nha	Sợi	540
90	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 2/0 dài 45 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi MOLYLON (Nylon/Polyamide6/6.6) màu xanh dương CI74160, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác ngược dài 24-26mm 3/8 vòng tròn, làm từ thép không gỉ series 300 (AISI 302,304). Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE; FDA	Nhóm 1	12-24-36 sợi/ Hộp	Mỹ/Kollsut International Inc.	Sợi	540
91	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 3/0 75cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 3/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim bằng thép 300, kim phủ silicone. Hộp 36 sợi	Nhóm 1	12-24-36 sợi/ Hộp	B.Braun/ Tây Ban Nha	Sợi	240
92	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 4/0 75cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 4/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 19mm, kim bằng thép 300. Kim phủ silicone. Hộp 36 sợi	Nhóm 1	12-24-36 sợi/ Hộp	B.Braun/ Tây Ban Nha	Sợi	180
	N05.02.040	Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ						
93	N05.02.040	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 1 dài 75cm	Chỉ tiêu thiên nhiên Collagen tinh khiết, đơn sợi, số 1 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 40, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Nhóm 5	Hộp/30 tép	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Việt Nam	Tép	600
94	N05.02.040	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 3/0 dài 70cm-75cm	Chỉ tiêu thiên nhiên Collagen tinh khiết, đơn sợi, 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Nhóm 5	Hộp/30 tép	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Việt Nam	Tép	150
95	N05.02.040	Chỉ khâu liền kim Polyglycolic Acid số 1 dài 90cm	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu Polyglycolic acid có 2 loại nhuộm (màu tím) và không nhuộm Kích thước chỉ (USP): 0 , 1 , 2/0 Dài chỉ (CM): 90 Dài kim (MM): 40 Vòng kim: 1/2 Loại kim: Kim nhọn thân tròn	1	Hộp 12 sợi	Dy nek Pty Ltd/ Australia	Sợi	240

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
96	N05.02.050	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 1 dài 90cm	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 1 dài 90 cm, kim tròn 40 mm, 1/2C. Làm từ nguyên liệu: Polyglycolide (90%) - co-lactide (10%). Chỉ được bao phủ bởi lớp calcium stearate và polyglactin 370. Kim phủ Silicon và làm bằng chất liệu thép AISI 420. Thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examination	Nhóm 2	12 Sợi/ hộp	India/Orion Sutures (India) Pvt Ltd	Sợi	600
97	N05.02.050	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 1 dài 90cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày .	1	12 sợi/ hộp	Johnson & Johnson MEDICAL GmbH/ Đức	Sợi	240
98	N05.02.040	Chỉ tan nhanh Polyglactin 910 số 2/0 dài 90cm	Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactine 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt V-34 có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 36mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày.	1	12 sợi/ hộp	Johnson & Johnson MEDICAL GmbH/ Đức	Sợi	720
99	N05.02.040	Chỉ tan nhanh Polyglactin 910 số 2/0 dài 90cm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) được bao phủ bởi Poly (30% glycolide acid và 70% lactide acid) và calcium stearate, số 2-0, dài 75CM. Kim được làm bằng thép không gỉ, kim tròn 26MM, kim 1/2. Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examination	Nhóm 2	12 Sợi/ hộp	India/Orion Sutures (India) Pvt Ltd	Sợi	480
100	N05.02.050	Chỉ khâu liền kim Polyglycolic acid số 2/0 dài 90cm	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu Polyglycolic acid có 2 loại nhuộm (màu tím) và không nhuộm Kích thước chỉ (USP): 2/0 Dài chỉ (CM): 90 Dài kim (MM): 30 Vòng kim: 1/2 Loại kim: Kim nhọn thân tròn	1	Hộp 12 sợi	Dyneke Pty Ltd/ Australia	Sợi	300
101	N05.02.050	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 (90% Polyglycolic acid+ 10% Polylactic acid) số 3/0, dài 70 cm. Kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26 mm, thép 300, kim phủ silicone đàn hồi, độ sắc cao. Hộp 36 sợi	Nhóm 1		B.Braun/ Tây Ban Nha	Sợi	120

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
102	N05.02.040	Chỉ khâu liền kim Polyglycolic Acid số 3/0 dài 75cm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi 100% Polyglycolic Acid/PGA – lớp phủ Calcium Stearate và Poly Caprolactone [Poly- epsilon-caprolactone], màu tím, số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn, làm từ thép không gỉ series 400(AISI 420). Sức căng còn 75% sau 2 tuần, tiêu hoàn toàn trong 60-90 ngày. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE; FDA	Nhóm 1	12 Sợi/ hộp	Mỹ/Kollsut International Inc.	Sợi	120
103	N05.02.070	Chỉ thép liền kim số 2	Chỉ thép số 2, sợi dài 45cm. Kim 1/2, kim tam giác, vòng kim 40mm.	3	Hộp 12 vi, vi 4 sợi	SMI - Bỉ	sợi	120
104	N05.02.070	Chỉ thép	Cuộn có chiều dài 5m, đường kính từ 0.2 đến 2 mm. Tiêu chuẩn ISO, CE , chất liệu thép không gỉ.	2	1 cuộn/túi	Aysam Ortopedi ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti, Thổ Nhĩ Kỳ	Cuộn	5
	N05.03.040	Đầu dốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưới dao mổ điện, dao mổ laser,						
105	N05.03.040	Tay dao điện 3 giác cầm bằng thép không gỉ	ISO 9001, ISO 13485	6	1 cái/ túi	Yueh Sheng Electronic Industrial Co., Ltd - Đài Loan	Cái	100
	N05.03.080	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các loại, các cỡ						
106	N05.03.080	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiết trùng, các số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	6	hộp 100 cái	Kehr - Ấn Độ	Cái	1.500
	N07.01.220	Bơm áp lực các loại, các cỡ						
107	N07.01.220	Bơm Karman 1 van	Loại 1 van Hút thai bằng chân không sử dụng tay Thể tích: 60 cc Phần chân không: 24-26 inch hoặc 609.6–660.4 mm hg. Không Latex (nhựa, mù cây) Dễ dàng tháo lắp và làm vệ sinh Chế tạo với vật liệu hàng đầu. Sử dụng với ống thông dò Karrman linh hoạt hơn, kích thước 4-6mm với ống thông dò 3mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	6	Túi 1 cái	Pacific hospital Supply Co, Ltd; WomanCare Global - Taiwan/ USA	Cái	5

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
108	N07.01.220	Bơm Karman 2 van	Loại 2 van Hút thai bằng chân không sử dụng tay Thể tích: 60 cc Phần chân không: 24-26 inch hoặc 609.6–660.4 mm hg Không Latex (nhựa, mũ cây) Dễ dàng tháo lắp và làm vệ sinh Chế tạo với vật liệu hàng đầu. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	6	Túi 1 cái	Pacific hospital Supply Co, Ltd; WomanCare Global - Taiwan/ USA	Cái	5
	N07.01.500	Phim X- quang các loại, các cỡ						
109	N07.01.500	Phim X-Quang số hóa 25cm x 30cm (10"x12")	Là loại phim khô Laser kích thước 25x30 cm, có thể nạp phim theo Cartridges dưới ánh sáng thường. Phim sắc nét, độ phân giải cao và độ nhiễu thấp. Phim được phủ nền 7 triệu Poliester. Có thể lưu trữ phim được trên 100 năm. Đạt các tiêu chuẩn sau: - ISO 13485:2016 - FDA - Quy cách đóng gói: 125 tờ/hộp	3	125 tờ/hộp	Carestream Health, Inc. - Mỹ	Hộp	100
110	N07.01.500	Phim X-Quang số hóa 25cm x 30cm (10"x12")	Phim được phủ trên nền màu xanh lam, hỗ trợ khoảng 7-mil polyester. Có thể lưu trữ hình ảnh được hơn 100 năm ở nhiệt độ dưới 25°C, độ ẩm 30-50%RH	Nhóm 1	125 tấm/hộp	Carestream Health, Inc - Hoa Kỳ	Tờ	120
111	N07.01.500	Phim dùng cho chụp X-Quang y tế (35x43cm)	Kích cỡ: 35X43cm Phim dùng cho chụp X-Quang y tế. Tương thích với máy in phim khô Drypix series. Sử dụng công nghệ CEo Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, CE	Nhóm 1	100 tờ/Hộp	FUJIFILM SHIZUOKA Co.,Ltd - Nhật Bản	Tờ	70
	N07.04.010	Bộ dụng cụ phẫu thuật trĩ bằng dòng điện cao tần các loại, các cỡ (bao gồm: Bộ phẫu thuật						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
112	N07.04.040	Súng cắt trĩ	<p>Cỡ nòng tương đương là: 32 mm, 34 mm, 36 mm. Sô Stapler tương ứng là: 30, 32, 34 . Sự sắp xếp hợp lý của các đinh ghim, sẽ làm giảm hạn chế chảy máu sau thủ thuật. Chiều cao của các đinh ghim là 3.8 mm.</p> <p>- Ghim được bấm có hình dạng chữ B, đảm bảo cho nuôi dưỡng mô bởi các vi mạch.</p> <p>- Bộ phận chỉ dẫn quan sát được dễ dàng cho phẫu thuật viên điều chỉnh chiều cao ghim từ 0.8 đến 1.5 mm. Phần đuôi của dụng cụ được cải tiến, có nấc cầm, dễ dàng vận chặt trước khi bấm máy</p> <p>- Thẻ tích lòng máng cắt rộng , dễ dàng áp dụng cho các búi trĩ lớn.</p> <p>- Phần mô nằm giữa đầu dập ghim và Cartridge có thể tránh được tình trạng dập nát</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO</p>	6	Hộp 1 bộ	Changzhou Haida Medical Equipment Co., Ltd/ Trung Quốc	Bộ	20
	N07.05.020	Bộ đặt dẫn lưu thận qua da các loại, các cỡ (bao gồm: Kim chọc, ống thông dề nông, ống						
113	N07.05.020	Sonde Foley 2 nhánh cỡ số 12- 24	<p>Kích thước bóng: 30cc.</p> <p>Các số: 12 - 28.</p> <p>Chiều dài 40cm ± 5%.</p> <p>Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Silicone. Bóng cân đối có 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Đóng gói tiệt trùng bằng khí EO</p> <p>1 cái/ túi</p>	Nhóm 6	1 cái/ túi	Trung Quốc - Hitec Medical	Cái	1.000
114	N07.05.020	Sonde Nelaton các số	Làm bằng cao su thiên nhiên, kích thước 6-24Fr. Đạt tiêu chuẩn (Iso 13485, CE)	6	1 cái/túi	Ningbo Greetmed - Trung Quốc	Cái	300
	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ						
115	N07.06.040	Kim cấy chỉ	Kim cấy chỉ vô trùng dùng một lần, Bao gồm các thành phần chính: Ống bảo vệ, Thân Kim, Lõi kim. Thân kim và lõi kim được sản xuất từ sợi thép y tế không biến tính. Hộp đựng kim, ống lót, ống bảo vệ được làm từ nhựa PP y tế. Thân kim có các vạch chia, Các kích thước.	6	1 cái/ túi	Wuxi Jiajian Medical Instrument Co.,Ltd;Trung Quốc	Cái	50
	N08.00.030	Băng keo thử nhiệt các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
116	N08.00.030	Chỉ thị hóa học kiểm soát quá trình tiệt khuẩn bằng hơi nước	Dùng cho tiệt khuẩn bằng hơi nước (nhiệt độ cao) Thiết kế nhỏ gọn với bắc giấy và mực khô, thành phần: Paper 75%, Salicylamide 2-3% Test chỉ thị hóa học ISO 11140 nhóm 5 để kiểm tra chất lượng tiệt trùng của từng gói dụng cụ. Xác định 3 thông số tiệt trùng: Nhiệt độ - thời gian - áp suất có đạt hay không? Khi đạt đủ 3 điều kiện về nhiệt độ - thời gian - áp suất hơi nước túi mực sẽ tan chảy và thấm vô bắc giấy hình thành vạch chỉ thị hóa học. - Kích thước: 5,1 cm x 1,9cm/ Quy cách: 500 miếng/ gói	1	500 miếng/Hộp	3M Company	Hộp	2
117	N08.00.030	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn y tế 3M	- Kích thước: 1,5 cm x 20cm - Thiết kế dạng que giấy dài, có vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch mực chỉ thị sẽ chuyển màu từ trắng qua đen sau khi qua quá trình xử lý tiệt trùng hơi nước. - Sử dụng với nhiệt độ hấp 121°C hoặc 132 - 134°C. - Test chỉ thị hóa học ISO 11140 nhóm 4 để kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn của từng gói dụng cụ. - Xác định các thông số tiệt khuẩn nhiệt độ - thời gian có đạt hay không/ Quy cách: 240 thanh/ hộp	1	240 thanh/hộp	3M Company	Hộp	4
118	N08.00.030	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng cho tiệt khuẩn hơi nước	Băng chỉ thị nhiệt 3M™ Comply™ 1322 dùng trong tiệt khuẩn hơi nước với mục đích cố định gói dụng cụ chắc chắn và phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa* Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì nghĩa là không tạo chất thải nguy hại ra môi trường * Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,...* Lớp nền là loại giấy crepe màu be có thể co giãn giúp giảm thiểu tình trạng băng dính bị “bung ra” trong quá trình tiệt trùng, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn* Vạch chỉ thị hóa học sẽ chuyển qua màu đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước* Băng chỉ thị nhiệt 3M™ Comply™ 1322 là chỉ thị hóa học tiếp xúc loại 1 theo phân loại của ISO 11140-1:2014. Tiêu chuẩn: ISO, FDA / Quy cách: 20 cuộn/thùng	1	20 cuộn/thùng	3M Canada Co.	Cuộn	20
	N08.00.050	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
119	N08.00.050	Bao camera	<p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <p>Vật liệu/thành phần Chỉ tiêu kỹ thuật/sai số Tham khảo</p> <p>1.Nylon PE</p> <p>2.Dây cotton + Màu sắc đồng đều, có độ trong,bề mặt mềm mịn có độ dẻo dai.</p> <p>+ Dây cotton màu trắng, có độ bền cao.</p> <p>Ngoại quan bằng mắt</p> <p>Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Ngoại quan bằng mắt</p> <p>Kích thước</p> <p>1. Ống nylon 18 x 230 cm</p> <p>Dây buộc 2 ly 2 x60 cm</p> <p>2.Túi nylon 9 x 14 cm</p> <p>Dây buộc 2 ly 2 x 30cm</p> <p>± 2cm</p> <p>± 2cm, được xuôn vào ống nylon, gấp mép 5cm</p> <p>± 1cm</p> <p>± 2cm, được xuôn vào túi nylon, gấp mép 3cm</p> <p>Theo yêu cầu của khách hàng</p> <p>Trọng lượng g/m2</p> <p>1.Ống nylon 18x230 cm</p> <p>2.Túi nylon 9x14 cm</p> <p>+ 23g / m2 (± 2g)</p> <p>+ 52g/m2 (± 2g)</p> <p>Cân</p> <p>-Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đóng gói</p> <p>-Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận CE Châu Âu, Thước hành của nước xuất xứ GMP, FDA</p>	Nhóm 5	2 khoản/gói i	An Lành/Việt Nam	gói	500
	N08.00.190	Đầu côn các loại, các cỡ						
120	N08.00.190	Đầu côn vàng	<p>Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.</p>	Không phân nhóm	1000chiếc/túi, 50.000c/t hùng	Jiangsu Huida, Trung Quốc	Cái	10.000

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
121	N08.00.190	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	Không phân nhóm	500chiếc /túi, 15.000c/t hù	Jiangsu Huida, Trung Quốc	Cái	1.000
122	N08.00.190	Đầu côn trắng	Đầu côn trắng dung tích 10 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	Không phân nhóm	1000chiế c/túi, 100.000c /thùng	Jiangsu Huida, Trung Quốc	Cái	1.000
	N08.00.240	Đề lưỡi (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ						
123	N08.00.240	Đề lưỡi gỗ tiết trùng	<p>Thành phần cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Que đề lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 14001, ISO 9001 	5	Hộp 100 que; 01que/ túi;	Tanaphar - Việt Nam	Cái	2.000
	N08.00.250	Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ						
124	N08.00.250	Điện cực tim nền xốp	<p>Kích thước 3,7cm x 3,3cm. Nền xốp và gel dính với keo Acrylate Thiết kế hình chữ nhật. Nú</p> <p>điện cực bằng vật liệu thép không rỉ, chất lượng cao, dẫn truyền tín hiệu tốt</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS/ Quy cách: 50 cái/túi</p>	1	50 cái/túi	3M Canada Co.	Cái	200
	N08.00.260	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ						
125	N08.00.260	Clips cầm máu bằng titan		6	6 cái/vi	MDD Medical Device Development GmbH, Germany	Cái	480
	N08.00.310	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ						
126	N08.00.310	Mặt nạ xông khí dung	<p>Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <p>Túi 1 bộ x 100 túi / kiện</p>	Nhóm 5	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	Việt Nam - MPV	Bộ	1.000
127	N08.00.310	Mask thở oxy Sơ sinh, NL+TE	<p>Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)</p> <p>Túi 1 bộ x 100 túi / kiện</p>	Nhóm 5	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	Việt Nam - MPV	Bộ	200
	N08.00.380	Bộ gây tê ngoài màng cứng các loại, các cỡ						

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
128	N08.00.380	Bộ gây tê ngoài màng cứng	<ul style="list-style-type: none"> • Kim đầu cong 18G dài 3 1/4", thân kim có chia vạch. • Catheter bằng polyamid không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cản quang ngầm. • Có bơm tiêm giảm kháng lực giúp xác định màng cứng dễ dàng và chính xác: <ul style="list-style-type: none"> + rất nhạy, độ ma sát thấp giúp phát hiện khoang màng cứng dễ dàng và chắc chắn. + không có khắc vạch, tránh nhầm với bơm tiêm bình thường. + chất liệu plastic nên không bị vỡ. • Đầu nối catheter dạng nắp bật. • Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron giúp tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn. • Bơm tiêm 20ml, bơm tiêm 3ml và <ul style="list-style-type: none"> • Kim tiêm đi kèm: <ul style="list-style-type: none"> + Kim 25G, dài 16mm, đường kính 0,5mm + Kim 21G, dài 40mm, đường kính 0,8mm + Kim 18G, dài 40mm, đường kính 1,2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. Hộp 10 bộ 	2	Hộp 10 bộ	B.Braun Medical Industries Sdn.Bhd Malaysia	Bộ	50
	N09.00.010	Bóng đèn hồng ngoại các loại, các cỡ						
129	N09.00.010	Bóng đèn hồng ngoại	Công suất cực đại 220V/50Hz -250W, màu sắc đỏ đậm không phai nhạt sau khi chiếu Đuôi đèn theo tiêu chuẩn Châu Âu	6	1 cái/hộp	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co,Ltd/ Trung Quốc	Cái	50
	II - VẬT TƯ THAY THẾ							
130	N07.06.040	Nẹp khóa xương đòn tái tạo mặt trước trên trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Độ dày 3mm, rộng 10.5mm. gồm các loại 6, 7, 8 lỗ, trái/ phải các loại. Chiều dài từ 103.2 đến 122.5mm.	Nhóm 4	Cái/Túi	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5
131	N07.06.040	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài/ trái/ phải các cỡ, chất liệu titan	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài đầu nẹp có 4 lỗ , nẹp có từ 5 đến 13 lỗ trái, phải ,dài 105 - 233mm, dày 3.5mm, rộng 13.5mm, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
132	N07.06.040	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài/ trái/ phải các loại, chất liệu titan	5 đến 13 lỗ trái, phải ,dài 128 - 256mm, dày 4mm, rộng 14.2mm, Đầu nẹp có 4lỗ bắt vít khóa, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, thân nẹp có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
133	N07.06.040	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong/ trái/ phải các loại, chất liệu titan	5 đến 13 lỗ trái, phải ,dài 158 - 318mm, dày 4mm, rộng 14.2mm, Đầu nẹp có 4lỗ bắt vít khóa, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, thân nẹp có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
134	N07.06.040	Nẹp khóa bản rộng lỗ kép loại nén ép, chất liệu titan	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Gồm các loại 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 lỗ,. Độ dày nẹp 6.0mm, chiều rộng 17.5mm. Chiều dài nẹp từ 107mm - 323mm.	Nhóm 4	Cái/Túi	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5
135	N07.06.040	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, chất liệu titan	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, gồm các loại 5, 7, 9, 11, 13 lỗ ở thân,. Độ dày nẹp 6mm, chiều rộng nẹp 16mm. Trái/phải các loại, Chiều dài nẹp từ 156mm đến 316mm.	Nhóm 4	Cái/Túi	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5
136	N07.06.040	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, có nén ép, chất liệu titan	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, gồm các loại 4, 6, 8, 10 và 12 lỗ ở thân. Đầu có 5 lỗ,. Độ dày nẹp 5.2mm, chiều rộng 18.0mm, Trái/phải các loại, Chiều dài nẹp từ 145mm đến 305mm.	Nhóm 4	Cái/Túi	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5
137	N07.06.040	Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện	- Chất liệu titanium Alloy - Đường kính đầu: 11.5mm - Đường kính thân: 8.3/9/10/11.5 mm - Độ dài 260/280/300/320/340/360/380/400/420mm - Khung định vị 3 chiều tương thích.	Nhóm 4		Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd/ Trung Quốc	Cái	5
138	N07.06.040	Vít chốt khóa đường kính từ 4.5 đến 5.0mm dùng với đinh nội tủy rỗng nòng	- Chất liệu titanium alloy - vít chốt 4.5mm hoặc 5.0mm - Chiều dài 25 mm - 85 mm, bước tăng 5 mm. Catalog có dấu gốc của nhà sản xuất	Nhóm 4		Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co.,Ltd/Trung Quốc	Cái	5

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
139	N07.06.040	Nẹp khóa bản nhỏ nén ép titanium các loại	4 đến 12 lỗ dài 57 - 161mm, dày 3mm, rộng 12mm, có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
140	N07.06.040	Nẹp khóa bản hẹp, các cỡ, titan	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Gồm các loại 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 16 lỗ,. Độ dày nẹp 4.8mm, chiều rộng nẹp 13.5mm. Chiều dài nẹp từ 89mm - 287mm.	Nhóm 4	Cái/Túi	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5
141	N07.06.040	Nẹp khóa mắt xích tái cấu trúc, các cỡ, titan	4 đến 12 lỗ dài 60 - 180mm, dày 3mm, rộng 10mm, có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
142	N07.06.040	Nẹp khóa xương đòn, các cỡ, titan	6 đến 12 lỗ trái, phải ,dài 69 - 139mm, dày 3.2mm, rộng 10.4mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm, mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	15
143	N07.06.040	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong, ngoài, các loại, các cỡ, titan	Nẹp khóa mặt trong 5 đến 13 lỗ trái, phải ,dài 158 - 318mm, dày 4mm, rộng 14.2mm, Nẹp khóa mặt ngoài 5 đến 13 lỗ trái, phải ,dài 128 - 256mm, dày 4mm, rộng 14.2mm, Đầu nẹp có 4lỗ bắt vít khóa, khoảng cách giữa các lỗ 16mm Đầu nẹp có 4lỗ bắt vít khóa, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, thân nẹp có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
144	N07.06.040	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài, các loại, các cỡ thể hệ I và II	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài đầu nẹp có 4 lỗ , nẹp có từ 5 đến 13 lỗ trái, phải ,dài 105 - 233mm, dày 3.5mm, rộng 13.5mm, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
145	N07.06.040	Nẹp tăng áp bản hẹp 5, 6, 7, 8, 10,12, 14 lỗ	4 đến 14 lỗ ô van dài 80 - 240mm, dày 4mm, rộng 13.5mm, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít cứng đường kính 4,5mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
146	N07.06.040	Nẹp tăng áp bản nhỏ 5, 6, 7, 8 , 10 lỗ	4 đến 12 lỗ ô van dài 52 - 148mm, dày 3mm, rộng 12mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít cứng đường kính 3,5mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
147	N07.06.040	Nẹp tăng áp bản rộng 6, 7, 8, 10, 12,14,16 lỗ	5 đến 16 lỗ ô van dài 96 - 272mm, dày 5mm, rộng 17mm, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít cứng đường kính 4,5mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
148	N07.06.040	Vít cứng 3,5mm, dài các cỡ	Đường kính thân vít 3,5mm ren 1,5mm dài 12-70mm.bước tăng 2mm, đk mũ vít 6mm .Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	90
149	N07.06.040	Vít cứng 4,5mm, dài các cỡ	Đường kính thân vít 4,5mm ren 1,5mm dài 20-70mm.bước tăng 2mm, đk mũ vít 8mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	30
150	N07.06.040	Vít xoắn 6,5mm, ren 32mm, dài các cỡ	Đường kính thân vít 6,5mm ren 1,5mm, bước ren 10-32mm dài 30-120mm.bước tăng 5mm, đk mũ vít 8mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ.Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
151	N07.06.040	Nẹp mắt xích 6, 8, 10 lỗ	4 đến 14 lỗ ô van dài 46 - 166mm, dày 2.5mm, rộng 11mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít cứng đường kính 3,5mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
152	N07.06.040	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ, trái/ phải, hợp kim titanium	5 đến 13 lỗ trái, phải ,dài 157 - 317mm, dày 5mm, rộng 18mm, Đầu nẹp có 7 lỗ bắt vít khóa, thân nẹp có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 18mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm và 6.0mm, mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	3
153	N07.06.040	Vít khóa đk 5.0mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Chất liệu titanium Alloy. Đường kính 5.0mm, đường kính lõi 4.2mm , tự taro. Chiều dài từ 10 - 50mm, bước tăng 2mm; Chiều dài từ 50 - 90mm bước tăng 5mm.	Nhóm 4	Cái/Túi	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	65

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
154	N07.06.040	Nẹp khóa mắt xích các cỡ, hợp kim titanium	Chất liệu titanium nguyên chất. Gồm các loại 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18 lỗ. Độ dày nẹp 3.0mm, chiều rộng 10mm, chiều dài nẹp từ 64mm - 233mm.	Nhóm 4	Cái/Túi	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5
155	N07.06.040	Vít khóa đk 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Chất liệu titanium Alloy, tự taro. Đường kính 3.5mm, đường kính lõi 2.7mm. Chiều dài từ 10 - 50mm bước ren tăng 2mm; Chiều dài 45-80mm bước ren tăng 5mm.	Nhóm 4	Cái/Túi	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	160
156	N07.06.040	Đinh Schanz các cỡ	ĐK 4.0mm đến 5.0mm, dài 200mm, Đinh 1 đầu có ren , đoạn ren dài 30mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	15
157	N07.06.040	Nẹp bản rộng xương đùi 6 -16 lỗ	5 đến 16 lỗ ô van dài 96 - 272mm, dày 5mm, rộng 17mm, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít cứng đường kính 4,5mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
158	N07.06.040	Nẹp bản nhỏ xương cánh tay 4 - 12lỗ	4 đến 12 lỗ ô van dài 52 - 148mm, dày 3mm, rộng 12mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít cứng đường kính 3,5mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
159	N07.06.040	Nẹp ngón tay 2 - 6 lỗ	2 đến 6 lỗ tròn dài 11 - 34mm, dày 1mm, rộng 5mm, sử dụng vít cứng 2.0mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
160	N07.06.040	Nẹp bàn tay 4 - 8lỗ	2 đến 8 lỗ tròn dài 15 - 63mm, dày 1mm, rộng 7mm, sử dụng vít cứng 2.0mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
161	N07.06.040	Đinh Kirschner 1.2- 3.0 x310mm	ĐK 0.8 đến 3.0mm, dài từ 280mm đến 310mm, một đầu nhọn. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	80

TT	Mã số theo nhóm TT 04/2017	Nhóm, loại vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/ TT-BYT	Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Số lượng
162	N07.06.040	Nẹp khóa xương đùi 6-16 lỗ	6 đến 16 lỗ dài 114 - 294mm, dày 5mm, rộng 18mm,có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 18mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
163	N07.06.040	Nẹp khóa cẳng chân 6-12 lỗ	4 đến 14 lỗ dài 78 - 258mm, dày 4.5mm, rộng 14mm, có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 18mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Nhóm 6		Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	cái	5
164	N07.06.040	Khung cổ định ngoại vi vòng	Ống sáo			Gold Tier Mic;Pakistan	Cái	5
	Tổng: 164 mặt hàng							